TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LÂM HÀ** **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 18/2020/QĐST - DS	*Lâm Hà, ngày 28 tháng 5 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 463; 466 Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 20 tháng 5 năm 2020 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 170/2019/TLST - DS ngày 05 tháng 12 năm 2019.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Vợ chồng ông **Phạm Đình L**, sinh năm: 1960.

Bà **Trần Thị Đ**, sinh năm: 1959.

Địa chỉ: Số 41 TDP Q, TT. Đ, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.

- Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Bà Phạm Thị D, sinh năm: 1963. Địa chỉ: Số 789 đường H, thị trấn Đ, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng. Theo văn bản ủy quyền ngày 17/9/2019.

- Đồng bị đơn:

+ Bà **K' D1**, sinh năm: 1968.

Địa chỉ: TDP Đ, TT. Đ, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.

+ Bà **K' Đ2,** sinh năm: 1970.

Địa chỉ: TDP Đ, TT. Đ, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Bà K' D1 tự nguyện trả cho vợ chồng ông Phạm Đình L, bà Trần Thị Đ số tiền là 7.000.000đồng (Bảy triệu đồng) và 03 chỉ vàng 24k (9999) hiệu Kim Ngọc.

- Bà K' Đ2 tự nguyện trả cho vợ chồng ông Phạm Đình L, bà Trần Thị Đ 16 chỉ vàng 24k (9999) hiệu Kim Ngọc.

- Vợ chồng ông Phạm Đình L, bà Trần Thị Đ tự nguyện trả cho bà K' D1 01 bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BE 966159 do Ủy ban nhân dân huyện Lâm Hà cấp ngày 06/6/2011 đối với diện tích đất 231.8m^2 thuộc thửa số 74 tờ bản đố số 79 tọa lạc lại KP Đ, TT. Đ, huyện Lâm Hà đứng tên ông K' U đã chuyển nhượng cho bà K' D1 theo hợp đồng số 425, quyển số 03.TP/CC-SCC/HĐGD tại Văn phòng công chứng Lâm Hà ngày 11/9/2012.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về án phí: Bà K' D1 tự nguyện nhận chịu 532.000đồng (Năm trăm ba mươi hai nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm (Giá vàng 24k (9999) hiệu Kim Ngọc ngày 20/5/2020 có giá là 4.760.000đồng/01 chỉ).

Bà K' Đ2 tự nguyện nhận chịu 1.904.000đồng (Một triệu chín trăm lẻ bốn nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm (Giá vàng 24k (9999) ngày 20/5/2020 có giá là 4.760.000đồng/01 chỉ).

Hoàn trả cho vợ chồng ông Phạm Đình L, bà Trần Thị Đ số tiền là 2.144.000đồng (Hai triệu một trăm bốn mươi bốn nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2016/0007048 ngày 05/12/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lâm Hà.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lâm Đồng(02);
- Chi cục THA.DS Lâm Hà;
- VKSND huyện Lâm Hà;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Hữu Dũng